

UBND QUẬN THANH KHÊ
TRƯỜNG MẦM NON HẢI ĐƯỜNG

**SỔ THANH TOÁN TIỀN THỪA BÁN TRÚ
NĂM HỌC 2024-2025**

UBND QUẬN THANH KHÊ
TRƯỜNG MẦM NON HẢI ĐƯỜNG

TỔNG HỢP DANH SÁCH THANH TOÁN TIỀN THỪA
NĂM HỌC: 2024-2025

TT	LỚP	Số xuất thu	Số xuất học thực tế	Số xuất thừa	Số tiền xuất thừa					GHI CHÚ
					Ăn chính + Sữa + Gạo (NT, MG: 31.500/x)	Ăn sáng+ sữa (11.500/x)	Phụ phí sáng (500d/x)	Phụ phí chính, xế (2.500/x)	Tổng cộng tiền thừa	
1	LỚN 1	173	135	42	1,323,000	483,000	21,000	105,000	1,932,000	
2	LỚN 2	179	179	49	1,543,500	563,500	24,500	122,500	2,254,000	
3	LỚN 3	201	173	44	1,386,000	506,000	22,000	110,000	2,024,000	
4	NHỎ 1	237	207	36	1,134,000	414,000	18,000	90,000	1,656,000	
5	NHỎ 2	337	290	51	1,606,500	586,500	25,500	127,500	2,346,000	
6	NHỎ 3	275	225	53	1,669,500	609,500	26,500	132,500	2,438,000	
7	BÉ 1	198	161	42	1,323,000	483,000	21,000	105,000	1,932,000	
8	BÉ 2	188	159	44	1,386,000	506,000	22,000	110,000	2,024,000	
9	BÉ 3	266	230	54	1,701,000	621,000	27,000	135,000	2,484,000	
10	BÉ 4	226	189	79	2,488,500	908,500	39,500	197,500	3,634,000	
11	TRẺ 1	296	237	59	1,858,500	678,500	29,500	147,500	2,714,000	
12	TRẺ 2	211	169	62	1,953,000	713,000	31,000	155,000	2,852,000	
13	TRẺ 3	128	93	45	1,417,500	517,500	22,500	112,500	2,070,000	
	TC	2,915	2,447	660	20,790,000	7,590,000	330,000	1,650,000	30,360,000	

Tổng số xuất thừa

660

Tổng số tiền thừa

30,360,000

THỦ QUỸ



Hà Thị Thoa

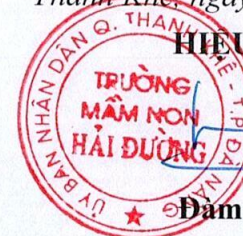
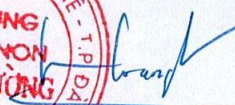
KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Lan

Thanh Khê, ngày 31 tháng 5 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Đàm Thị Hoàng

UBND QUẬN THANH KHÊ
TRƯỜNG MẦM NON HẢI ĐƯỜNG

DANH SÁCH THANH TOÁN TIỀN THỪA
NĂM HỌC: 2024-2025
LỚP: TRẺ 1

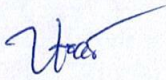
[illegible]

		296	237	59	1,858,500	678,500	29,500	147,500	2,714,000		

Tổng số xuất thừa
 Tổng số tiền thừa

59
 2,714,000

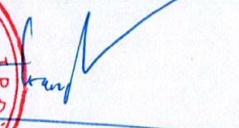
THỦ QUỸ


 Hà Thị Thoa

KẾ TOÁN


 Nguyễn Thị Lan

Thanh Khê, ngày 31 tháng 5 năm 2025

 **HIỆU TRƯỞNG**

 Đàm Thị Hoàng

DANH SÁCH THANH TOÁN TIỀN THỪA

NĂM HỌC: 2024-2025

LỚP: TRẺ 2

TT	HỌ VÀ TÊN	Số xuất thu	Số xuất học thực tế	Số xuất thừa	Số tiền xuất thừa					Ký nhận tiền	Ghi rõ họ tên
					Ăn chính + Sữa + Gạo (31.500/x)	Ăn sáng (11.500/x)	Phụ phí sáng (500d/x)	Phụ phí chính, xế (2.500/x)	Tổng cộng tiền thừa		
1	Mai Văn Gia Bách	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
2	Đặng Thị Gia Hân	15	13	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
3	Võ Đoàn Ngọc Khuê	17	15	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
4	Nguyễn Lê Huy	17	15	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
5	Đoàn Minh Kiên	17	9	8	252,000	92,000	4,000	20,000	368,000		
6	Trương Hoàng Nam	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
7	Quý Bảo Vân	17	15	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
8	Nguyễn Khánh Vy	15	13	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
9	Nguyễn Văn Khánh Thiện	17	15	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
10	Nguyễn Nhã Kỳ	17	10	7	220,500	80,500	3,500	17,500	322,000		
11	Võ Minh Khuê	15	12	3	94,500	34,500	1,500	7,500	138,000		
12	Trần Văn Vũ Quý	17	15	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
13	Hồ Cẩm Tú	15	7	8	252,000	92,000	4,000	20,000	368,000		
14	Phan Lê Thủy Tiên			10	315,000	115,000	5,000	25,000	460,000		
15	Phan văn Tiến			10	315,000	115,000	5,000	25,000	460,000		
		211	169	62	1,953,000	713,000	31,000	155,000	2,852,000		

Tổng số tiền thừa

62

2,852,000

Umar

Hà Thị Thoa

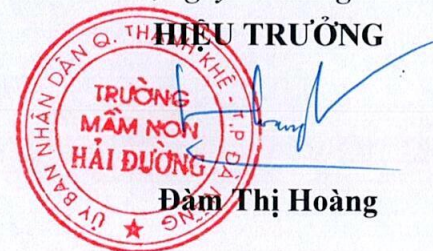
KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Lan

Thanh Khê, ngày 31 tháng 5 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Đàm Thị Hoàng

DANH SÁCH THANH TOÁN TIỀN THỪA
NĂM HỌC: 2024-2025
LỚP: TRẺ 3

TT	HỌ VÀ TÊN	Số xuất thu	Số xuất học thực tế	Số xuất thừa	Số tiền xuất thừa					Ký nhận tiền	Ghi rõ họ tên
					Ăn chính + Sữa + Gạo (31.500/x)	Ăn sáng (11.500/x)	Phụ phí sáng (500đ/x)	Phụ phí chính, xế (2.500/x)	Tổng cộng tiền thừa		
1	Võ Trung Kiên	17	15	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
2	Phạm Sỹ Phát	15	8	7	220,500	80,500	3,500	17,500	322,000		
3	Trần Phạm Nguyên Bảo	15	10	5	157,500	57,500	2,500	12,500	230,000		
4	Đỗ Thanh Nhân	17	9	8	252,000	92,000	4,000	20,000	368,000		
5	Nguyễn Gia bảo	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
6	Võ Đại Anh Huy	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
7	Nguyễn Trí Cường	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
8	Đặng Văn Phúc Tài	15	5	10	315,000	115,000	5,000	25,000	460,000		
9	Lê Hoàng Mỹ Linh			5	157,500	57,500	2,500	12,500	230,000		
10	Huỳnh Khải Phong			4	126,000	46,000	2,000	10,000	184,000		
11	Trần Phạm Tâm An			1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
		128	93	45	1,417,500	517,500	22,500	112,500	2,070,000		

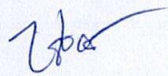
Tổng số xuất thừa

45

Tổng số tiền thừa

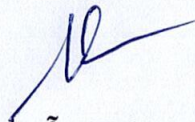
2,070,000

THỦ QUỸ



Hà Thị Thoa

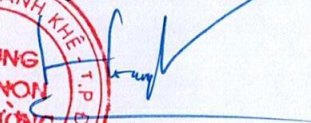
KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Lan

Thanh Khê, ngày 31 tháng 5 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Đàm Thị Hoàng

DANH SÁCH THANH TOÁN TIỀN THỪA

NĂM HỌC: 2024-2025

LỚP: BÉ 1

TT	HỌ VÀ TÊN	Số xuất thu	Số xuất học thực tế	Số xuất thừa	Số tiền xuất thừa					Ký nhận tiền	Ghi rõ họ tên
					Ăn chính + Sữa + Gạo (31.500/x)	Ăn sáng (11.500/x)	Phụ phí sáng (500đ/x)	Phụ phí chính, xế (2.500/x)	Tổng cộng tiền thừa		
1	Nguyễn Hà Ngọc Huy	17	15	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
2	Lê Văn Anh Khoa	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
3	Huỳnh Nguyễn Minh Khôi	15	13	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
4	Ngô Minh Khang	17	14	3	94,500	34,500	1,500	7,500	138,000		
5	Phan Trần Bảo Ngọc	17	12	5	157,500	57,500	2,500	12,500	230,000		
6	Phan Thiên Phúc	17	14	3	94,500	34,500	1,500	7,500	138,000		
7	Châu Ngọc Anh Thư	17	15	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
8	Nguyễn Đức Minh Quân	15	5	10	315,000	115,000	5,000	25,000	460,000		
9	Nguyễn Quang Trí	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
10	Nguyễn Huyền Trân	17	12	5	157,500	57,500	2,500	12,500	230,000		
11	Đinh Gia Khiêm	17	15	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
12	Nguyễn Huỳnh Thiên Thảo	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
13	Dương Hoàng Anh Tú			5	157,500	57,500	2,500	12,500	230,000		
	TC	198	161	42	1,323,000	483,000	21,000	105,000	1,932,000		

Tổng số xuất thừa

42

Tổng số tiền thừa

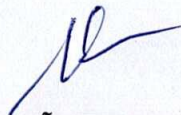
1,932,000

THỦ QUỸ



Hà Thị Thoa

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Lan

Thanh Khê, ngày 31 tháng 5 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Đàm Thị Hoàng

DANH SÁCH THANH TOÁN TIỀN THỪA
NĂM HỌC: 2024-2025
LỚP: BÉ 2

TT	HỌ VÀ TÊN	Số xuất thu	Số xuất học thực tế	Số xuất thừa	Số tiền xuất thừa					Ký nhận tiền	Ghi rõ họ tên
					Ăn chính + Sữa + Gạo (31.500/x)	Ăn sáng (11.500/x)	Phụ phí sáng (500đ/x)	Phụ phí chính, xế (2.500/x)	Tổng cộng tiền thừa		
1	Nguyễn Tâm An	15	10	5	157,500	57,500	2,500	12,500	230,000		
2	Lê Ngọc Minh Anh	15	11	4	126,000	46,000	2,000	10,000	184,000		
3	Hồ Ngọc Kim Cương	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
4	Nguyễn Ngọc Nhã Đan	15	13	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
5	Phan Minh Duy	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
7	Hoàng Nguyễn Gia Hân	15	10	5	157,500	57,500	2,500	12,500	230,000		
8	Lê Thanh Nhật Hào	17	13	4	126,000	46,000	2,000	10,000	184,000		
9	Phạm Mai Hoàng	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
10	Võ Gia Hưng	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
11	Nguyễn Hưng Tuấn Kiệt	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
12	Phạm Hoài Bảo Oanh	15	13	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
13	Hồ Nguyễn Tường Vy	17	15	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
14	Nguyễn Ngọc Tường Vy			15	472,500	172,500	7,500	37,500	690,000		
	TC	188	159	44	1,386,000	506,000	22,000	110,000	2,024,000		

Tổng số xuất thừa

44

Tổng số tiền thừa

2,024,000

THỦ QUỸ

Hà Thị Thoa

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Lan

Thanh Khê, ngày 31 tháng 5 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Đàm Thị Hoàng

DANH SÁCH THANH TOÁN TIỀN THỪA

NĂM HỌC: 2024-2025

LỚP: BÉ 3

TT	HỌ VÀ TÊN	Số xuất thu	Số xuất học thực tế	Số xuất thừa	Số tiền xuất thừa					Ký nhận tiền	Ghi rõ họ tên
					Ăn chính + Sữa + Gạo (31.500/x)	Ăn sáng (11.500/x)	Phụ phí sáng (500đ/x)	Phụ phí chính, xế (2.500/x)	Tổng cộng tiền thừa		
1	Nguyễn Bảo Châu	17	14	3	94,500	34,500	1,500	7,500	138,000		
2	Phạm Gia Hưng	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
3	Nguyễn Phạm Bảo Hưng	17	12	5	157,500	57,500	2,500	12,500	230,000		
4	Trần Phúc Khang	17	6	11	346,500	126,500	5,500	27,500	506,000		
5	Nguyễn Phúc Khang	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
6	Trương Tú Thiên Lam	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
7	Trương Nguyễn Tuệ Minh	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
8	Trần Lê Bảo Nhi	17	14	3	94,500	34,500	1,500	7,500	138,000		
9	Huỳnh Đức Sơn	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
10	Nguyễn Phương Thảo	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
11	Phạm Diễm Thư	17	15	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
12	Trần Minh Trí	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
13	Phạm Thanh Trúc	17	15	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
14	Trần Đình Anh Vũ	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
15	Nguyễn Nhật Vương	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
16	Trần Thúc Đăng Khoa	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
17	Lê Anh Khoa			1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
18	Trần Huỳnh Yến Nhi			3	94,500	34,500	1,500	7,500	138,000		

19	Đỗ Hoàng Minh Vy			14	441,000	161,000	7,000	35,000	644,000		
20					0	0	0	0	0		
	TC	266	230	54	1,260,000	460,000	20,000	100,000	1,840,000		

Tổng số xuất thừa

54

Tổng số tiền thừa

1,840,000

THỦ QUỸ



Hà Thị Thoa

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Lan

Thanh Khê, ngày 31 tháng 5 năm 2025



Đàm Thị Hoàng

DANH SÁCH THANH TOÁN TIỀN THỪA

NĂM HỌC: 2024-2025

LỚP: BÉ 4

TT	HỌ VÀ TÊN	Số xuất thu	Số xuất học thực tế	Số xuất thừa	Số tiền xuất thừa					Ký nhận tiền	Ghi rõ họ tên
					Ăn chính + Sữa + Gạo (31.500/x)	Ăn sáng (11.500/x)	Phụ phí sáng (500đ/x)	Phụ phí chính, xế (2.500/x)	Tổng cộng tiền thừa		
1	Đặng văn Thái Bảo	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
2	Bùi Khả Hân	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
3	Võ Thị Quý Hợp	15	5	10	315,000	115,000	5,000	25,000	460,000		
4	Nguyễn Duy Khang	17	15	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
5	Nguyễn Đăng Khoa	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
6	Nguyễn Hoàng Minh Khôi	17	15	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
7	Hứa Trần Gia Ngọc	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
8	Nguyễn Võ Ái Nhi	15	9	6	189,000	69,000	3,000	15,000	276,000		
9	Huỳnh Bảo Quân	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
10	Nguyễn Trần Ngọc Quyên	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
11	Huỳnh Phạm Khánh Linh	17	13	4	126,000	46,000	2,000	10,000	184,000		
12	Nguyễn Hạo Hạo	17	13	4	126,000	46,000	2,000	10,000	184,000		
13	Nguyễn Ngọc Tiểu Vy	15	13	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
14	Nguyễn Đức An Nhiên	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
15	Trần Nhật Di Băng			21	661,500	241,500	10,500	52,500	966,000		
16	Lê Đỗ Gia Minh			1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		

17	Phạm Đình Phúc			20	630,000	230,000	10,000	50,000	920,000	Am	Ng Biê TRâm
18											
19											
20											
21											
	TC	226	189	79	2,488,500	908,500	39,500	197,500	3,634,000		

Tổng số xuất thừa

79

Tổng số tiền thừa

3,634,000

THỦ QUỸ



Hà Thị Thoa

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Lan

Thanh Khê, ngày 31 tháng 5 năm 2025



HIỆU TRƯỞNG

Đạm Thị Hoàng

DANH SÁCH THANH TOÁN TIỀN THỪA
NĂM HỌC: 2024-2025
LỚP: NHỖ 1

TT	HỌ VÀ TÊN	Số xuất thu	Số xuất học thực tế	Số xuất thừa	Số tiền xuất thừa					Ký nhận tiền	Ghi rõ họ tên
					Ăn chính + Sữa + Gạo (31.500/x)	Ăn sáng (11.500/x)	Phụ phí sáng (500đ/x)	Phụ phí chính, xế (2.500/x)	Tổng cộng tiền thừa		
1	Đặng Gia Bảo	15	12	3	94,500	34,500	1,500	7,500	138,000		
2	Phạm Lê Quốc Bảo	15	13	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
3	Phạm Phú Huy Hoàng	15	13	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
4	Lê Thanh Hoàng	15	13	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
5	Văn Vĩnh Duy Khoa	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
6	Bùi Anh Khoa	15	13	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
7	Đàm Minh Khuê	15	12	3	94,500	34,500	1,500	7,500	138,000		
8	Đoàn Ngọc Mai Khuê	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
9	Nguyễn Bảo Long	17	15	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
10	Phan Duy Bảo Long	15	10	5	157,500	57,500	2,500	12,500	230,000		
11	Phạm Võ Thu Minh	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
12	Võ Nguyễn Ngọc Ngân	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
13	Nguyễn Ngọc Khánh Quỳnh	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
14	Hồ Minh Tiến	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
15	Phạm Thùy Trang	17	14	3	94,500	34,500	1,500	7,500	138,000		
16	Đặng Phú Minh			3	94,500	34,500	1,500	7,500	138,000		
17	Lê Thanh Hoàng			3	94,500	34,500	1,500	7,500	138,000		ngỉ tháng 01/25
18									0		
	TC	237	207	36	1,134,000	414,000	18,000	90,000	1,656,000		

Tổng số xuất thừa

Tổng số tiền thừa

1,656,000

THỦ QUỸ



Hà Thị Thoa

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Lan

Thanh Khê, ngày 31 tháng 5 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Đàm Thị Hoàng

DANH SÁCH THANH TOÁN TIỀN THỪA
NĂM HỌC: 2024-2025
LỚP: NHỖ 2

TT	HỌ VÀ TÊN	Số xuất thu	Số xuất học thực tế	Số xuất thừa	Số tiền xuất thừa					Ký nhận tiền	Ghi rõ họ tên
					Ăn chính + Sữa + Gạo (31.500/x)	Ăn sáng (11.500/x)	Phụ phí sáng (500d/x)	Phụ phí chính, xế (2.500/x)	Tổng cộng tiền thừa		
1	Dương Đình Quốc Anh	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
2	Võ Gia Bình	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
3	Trương Mai Khánh Hạ	15	13	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
4	Lê Vinh Hải	17	14	3	94,500	34,500	1,500	7,500	138,000		
5	Nguyễn Hoàng Hải	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
6	Nguyễn Phạm Gia Hân	15	10	5	157,500	57,500	2,500	12,500	230,000		
7	Lê Văn Huy Hoàng	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
8	Hồ Quốc Hùng	15	13	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
9	Hồ Trần Nguyên Khuê	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
10	Nguyễn Trần Khiết Lâm	15	8	7	220,500	80,500	3,500	17,500	322,000		
11	Lê bảo Ngọc	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
12	Nguyễn Lê Như Ngọc	17	14	3	94,500	34,500	1,500	7,500	138,000		
13	Lê Phạm Ngọc Nhiên	15	12	3	94,500	34,500	1,500	7,500	138,000		
14	Nguyễn Minh Hồng Quân	17	11	6	189,000	69,000	3,000	15,000	276,000		
15	Hoàng Đình Anh Quân	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
16	Nguyễn Võ Kiều Vy	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
17	Nguyễn Bách Bảo	17	14	3	94,500	34,500	1,500	7,500	138,000		
18	Võ Lê Hạnh Ngân	15	13	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
19	Nguyễn Đắc Hoàng Quân	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
20	Phạm Lưu Ly	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		

21	Nguyễn Bảo Huy	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
22	Lê Trần Gia Hưng			4	126,000	46,000	2,000	10,000	184,000		
	TC	337	290	51	1,606,500	586,500	25,500	127,500	2,346,000		

Tổng số xuất thừa

51

Tổng số tiền thừa

2,346,000

THỦ QUỸ



Hà Thị Thoa

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Lan

Thanh Khê, ngày 31 tháng 5 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Đàm Thị Hoàng

UBND QUẬN THANH KHÊ
TRƯỜNG MẦM NON HẢI ĐƯỜNG

DANH SÁCH THANH TOÁN TIỀN THỪA

NĂM HỌC: 2024-2025

LỚP: NHỖ 3

TT	HỌ VÀ TÊN	Số xuất thu	Số xuất học thực tế	Số xuất thừa	Số tiền xuất thừa					Ký nhận tiền	Ghi rõ họ tên
					Ăn chính + Sữa + Gạo (31.500/x)	Ăn sáng (11.500/x)	Phụ phí sáng (500đ/x)	Phụ phí chính, xế (2.500/x)	Tổng cộng tiền thừa		
1	Phạm Thanh An	17	14	3	94,500	34,500	1,500	7,500	138,000		
2	Trần Xuân Bình	17	13	4	126,000	46,000	2,000	10,000	184,000		
3	Nguyễn Quang Hiếu	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
4	Lê Văn Hưng	15	13	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
5	Lê Hoàng Khang	15	12	3	94,500	34,500	1,500	7,500	138,000		
6	Lê Nguyên Khôi	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
7	Nguyễn Lê Đăng Khôi	17	13	4	126,000	46,000	2,000	10,000	184,000		
8	Phan Nguyễn Kim Ngân	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
9	Trần Lê Bảo Ngọc	15	13	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
10	Đinh Nhật Nguyên	17	15	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
11	Ngô Thiện Nhân	15	9	6	189,000	69,000	3,000	15,000	276,000		
12	Lê Võ Hoàng Oanh	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
13	Hồ Đoàn Minh Phương	17	6	11	346,500	126,500	5,500	27,500	506,000		
14	Trương Trịnh Minh Quang	17	12	5	157,500	57,500	2,500	12,500	230,000		
15	Lê Hữu Thiện	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
16	Châu Mộc Trà	15	13	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
17	Huỳnh Nguyễn Minh Trí	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
18	Nguyễn Phương Uyên			3	94,500	34,500	1,500	7,500	138,000		
	TC	275	225	53	1,669,500	609,500	26,500	132,500	2,438,000		

Tổng số xuất thừa

53

Tổng số tiền thừa

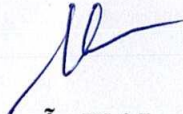
2,438,000

THỦ QUỸ



Hà Thị Thoa

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Lan

Thanh Khê, ngày 31 tháng 5 năm 2025



HIỆU TRƯỞNG

Đàm Thị Hoàng

DANH SÁCH THANH TOÁN TIỀN THỪA
NĂM HỌC 2024-2025
LỚP: LỚN 1

TT	HỌ VÀ TÊN	Số xuất thu	Số xuất học thực tế	Số xuất thừa	Số tiền xuất thừa					Ký nhận tiền	Ghi rõ họ tên
					Ăn chính + Sữa + Gạo (31.500/x)	Ăn sáng (11.500/x)	Phụ phí sáng (500đ/x)	Phụ phí chính, xế (2.500/x)	Tổng cộng tiền thừa		
1	Nguyễn Phương Anh	15	12	3	94,500	34,500	1,500	7,500	138,000		
2	Phạm Phan Bảo Danh	15	10	5	157,500	57,500	2,500	12,500	230,000		
4	Trần Vương Khả Hân	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
5	Đỗ Vũ Minh Hiếu	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
6	Lê Nguyễn Minh Huân	17	8	9	283,500	103,500	4,500	22,500	414,000		
7	Trần Khánh Ngân	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
8	Nguyễn Hà Ngọc Nguyên	15	13	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
9	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	15	10	5	157,500	57,500	2,500	12,500	230,000		
11	Phạm Hồng Khánh Nhi	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
12	Nguyễn Ngọc Tú Uyên	17	12	5	157,500	57,500	2,500	12,500	230,000		
13	Nguyễn Thị Minh Hà	15	10	5	157,500	57,500	2,500	12,500	230,000		
14	Đặng Phước Gia Hưng			3	94,500	34,500	1,500	7,500	138,000		
15	Bùi Công Minh Quân			1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
	TC	173	135	42	1,323,000	483,000	21,000	105,000	1,932,000		

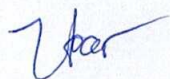
Tổng số xuất thừa

42

Tổng số tiền thừa

1,932,000

THỦ QUỸ



Hà Thị Thoa

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Lan

Thanh Khê, ngày 31 tháng 5 năm 2025



HIỆU TRƯỞNG

Đàm Thị Hoàng

DANH SÁCH THANH TOÁN TIỀN THỪA

NAM HỌC: 2024-2025

LỚP: LỚN 2

TT	HỌ VÀ TÊN	Số xuất thu	Số xuất học thực tế	Số xuất thừa	Số tiền xuất thừa					Ký nhận tiền	Ghi rõ họ tên
					Ăn chính + Sữa + Gạo (31.500/x)	Ăn sáng (11.500/x)	Phụ phí sáng (500đ/x)	Phụ phí chính, xế (2.500/x)	Tổng cộng tiền thừa		
1	Nguyễn Trần Hoàng Châu	15	11	4	126,000	46,000	2,000	10,000	184,000		
2	Phạm Nhật Hoàng	17	14	3	94,500	34,500	1,500	7,500	138,000		
3	Lê Bùi Thanh Huy	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
4	Trần Lê Bảo Khang	17	13	4	126,000	46,000	2,000	10,000	184,000		
5	Phạm Bảo Khang	17	14	3	94,500	34,500	1,500	7,500	138,000		
6	Nguyễn Duy Khoa	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
7	Chế Văn Khôi	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
8	Nguyễn Ngọc An Nhiên	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
9	Phạm Quỳnh An Nhiên	15	13	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
10	Phạm Phú Quang Thịnh	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
11	Lê Thị Thanh Thuận	17	15	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
12	Nguyễn Minh Anh			19	598,500	218,500	9,500	47,500	874,000		
13	Hầu Nguyễn Phúc Hưng			1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
14	Nguyễn Lê Thiên Nhã			6	189,000	69,000	3,000	15,000	276,000		
	TC	179	156	49	1,543,500	563,500	24,500	122,500	2,254,000		

Tổng số xuất thừa

49

Tổng số tiền thừa

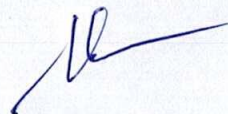
2,254,000

THỦ QUỸ



Hà Thị Thoa

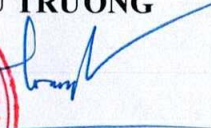
KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Lan

Thanh Khê, ngày 31 tháng 5 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Đàm Thị Hoàng

UBND QUẬN THANH KHÊ
TRƯỜNG MẦM NON HẢI ĐƯỜNG

DANH SÁCH THANH TOÁN TIỀN THỪA

NĂM HỌC: 2024-2025

LỚP: LỚN 3

TT	HỌ VÀ TÊN	Số xuất thu	Số xuất học thực tế	Số xuất thừa	Số tiền xuất thừa					Ký nhận tiền	Ghi rõ họ tên
					Ăn chính + Sữa + Gạo (31.500/x)	Ăn sáng (11.500/x)	Phụ phí sáng (500đ/x)	Phụ phí chính, xế (2.500/x)	Tổng cộng tiền thừa		
1	Hoàng Phúc An	15	13	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
2	Trần Nguyễn Tuấn Anh	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
3	Nguyễn Ngọc Hân	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
4	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
5	Trần Hoàng Lam	15	13	2	63,000	23,000	1,000	5,000	92,000		
6	Ngô Trần Tuệ Linh	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
7	Lê Trần Gia Minh	17	16	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
8	Huỳnh Tiểu My	15	8	7	220,500	80,500	3,500	17,500	322,000		
9	Nguyễn Công Tấn Phát	17	13	4	126,000	46,000	2,000	10,000	184,000		
10	Phạm Lê Bảo Trâm	15	10	5	157,500	57,500	2,500	12,500	230,000		
11	Trần Hồ Bảo Trân	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
12	Lê Thạch Thảo Vy	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
13	Nguyễn Khả Yên	15	14	1	31,500	11,500	500	2,500	46,000		
14	Hồ Hữu An			8	252,000	92,000	4,000	20,000	368,000		
15	Trần An Tuệ Lâm			8	252,000	92,000	4,000	20,000	368,000		
	TC	201	173	44	1,386,000	506,000	22,000	110,000	2,024,000		

Tổng số xuất thừa

44

Tổng số tiền thừa

2,024,000

THỦ QUỸ



Hà Thị Thoa

KÊ TOÁN



Nguyễn Thị Lan

Thanh Khê, ngày 31 tháng 5 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Đàm Thị Hoàng

